

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030

I. TÌNH HÌNH

Chè là cây trồng chủ lực của tỉnh Thái Nguyên. Với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu rất thuận lợi và phù hợp cho cây chè sinh trưởng, phát triển, người dân có truyền thống, kinh nghiệm trồng và chế biến tạo ra những sản phẩm trà có chất lượng cao, cây chè ngày càng giữ vị trí, vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh đối với cây chè, trong những năm qua các cấp, các ngành đã tập trung quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển ngành chè Thái Nguyên đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Cơ cấu giống chè có sự thay đổi mạnh mẽ, diện tích trồng chè, nhất là giống chè cho năng suất, chất lượng cao được mở rộng, quy trình trồng, đầu tư thâm canh, chế biến có nhiều tiến bộ, chất lượng, mẫu mã, bao bì sản phẩm được nâng cao... Thái Nguyên đã trở thành tỉnh có diện tích, năng suất, sản lượng, giá trị thu nhập từ cây chè lớn nhất toàn quốc. Hiện nay toàn tỉnh có trên 22,2 nghìn ha chè, 193 sản phẩm trà (chè sau chế biến) được chứng nhận tiêu chuẩn OCOP từ 3-5 sao (trong đó có 02 sản phẩm OCOP 5 sao); giá trị sản phẩm trà đạt 13,8 nghìn tỷ đồng.

Mặc dù vậy, ngành chè Thái Nguyên chưa khai thác hết những tiềm năng, lợi thế, giá trị của cây chè; sản xuất nông hộ chiếm tỷ trọng lớn; quy mô sản xuất của hợp tác xã, doanh nghiệp còn nhỏ; liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với các nông hộ còn chưa chặt chẽ; việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến còn hạn chế; sản phẩm chưa đa dạng, phong phú, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu, chủ yếu vẫn là sản phẩm trà xanh truyền thống; sự kết nối, quảng bá về sản xuất, chế biến, kinh doanh và văn hóa trà để củng cố, nâng cao thương hiệu, hiệu quả sản xuất còn chậm được quan tâm.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Tập trung sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, hợp tác xã và người

dân, phát triển hệ sinh thái trà tạo sự chuyển biến rõ nét trong sản xuất, chế biến, kinh doanh trà gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sản xuất chè, nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm trà Thái Nguyên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành chè Thái Nguyên gắn với mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; đẩy mạnh sản xuất an toàn, hữu cơ gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm có chất lượng, giá trị cao; thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu trà Thái Nguyên theo hướng tích hợp đa giá trị của trà; xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Phân đấu tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đến năm 2030 đạt 25 nghìn tỷ đồng (Đồng Việt Nam).

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Diện tích chè toàn tỉnh khoảng 24.500 ha; sản lượng chè búp tươi đạt trên 300.000 tấn.
- 70% diện tích chè được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; 70% diện tích chè được cấp mã số vùng trồng.
- 100% số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh chè và các sản phẩm từ chè đảm bảo quy định an toàn thực phẩm.
- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã có vùng nguyên liệu chè ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Có ít nhất 250 sản phẩm trà (chè sau chế biến) được chứng nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3-5 sao, trong đó có ít nhất 6 sản phẩm trà đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao.
- 100% sản phẩm trà và sản phẩm từ chè được thương mại điện tử trên các nền tảng số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh, nâng cao giá trị ngành chè

Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển, nâng cao giá trị ngành chè, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của các cấp, các ngành, nhất là đối với các ngành chức năng, các địa phương có hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh chè.

Tập trung tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân về vị trí, vai trò, hiệu quả sản xuất, giá trị của cây chè Thái Nguyên. Tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tạo sự phát triển rõ nét đối với thương hiệu và sản phẩm trà Thái Nguyên.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm trà Thái Nguyên; quản lý vật tư đầu vào, xuất xứ hàng hóa, quy trình sản xuất, chế biến, nhãn mác, an toàn thực phẩm, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trà.

2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch các vùng sản xuất

Rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng địa phương để xác lập, quy hoạch các vùng sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ tạo ra vùng nguyên liệu chất lượng cho chế biến. Số hóa các vùng sản xuất chè theo quy hoạch để quản lý, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn.

Bảo vệ tối đa diện tích trồng chè hiện có; chuyển một phần diện tích rừng sản xuất ngoài quy hoạch, đất vườn, đất trồng lúa hiệu quả thấp sang đất trồng chè để mở rộng diện tích trồng chè, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Quy mô sản xuất, đến năm 2030, diện tích trồng chè trên địa bàn tỉnh khoảng 24.500 ha; tiếp tục trồng mới, trồng thay thế những diện tích chè cho năng suất thấp bằng những giống chè có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu tốt, giống đạt tiêu chuẩn, phù hợp với điều kiện canh tác và đáp ứng chế biến sâu, đa dạng hoá các sản phẩm từ chè. Cơ cấu giống chè có năng suất, chất lượng cao đến năm 2030 đạt 85 - 90% tổng diện tích, giống chè Trung Du đạt 10 - 15%.

3. Tập trung ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến chè

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi phương thức sản xuất từ canh tác truyền thống sang canh tác áp dụng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. Tuyên truyền, hướng dẫn các vùng trồng chè chủ động xây dựng hồ sơ, đăng ký cấp mã số vùng trồng đáp ứng thị trường tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đổi mới các loại hình công nghệ, thiết bị chế biến, bảo quản, đa dạng hoá các sản phẩm trà, nhất là chế biến dòng sản phẩm trà cao cấp để nâng cao giá trị gia tăng. Ứng dụng công nghệ chế biến sâu tạo ra các sản phẩm từ chè dùng làm thực phẩm, đồ uống, dược phẩm, mỹ phẩm để phục vụ cho nhiều đối tượng khách hàng, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến; ưu tiên thu hút đầu tư nhà máy chế biến tại các vùng sản xuất chè tập trung với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Áp dụng quy trình chế biến hiện đại theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu thụ tại các thị trường cao cấp.

Thúc đẩy liên kết chặt chẽ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chú trọng đối với thị trường xuất khẩu sản phẩm cao cấp có giá trị cao; cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu; thực hiện các biện pháp bảo vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu sản phẩm trà.

Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến và kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất và chế biến, bảo quản. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm.

Nghiên cứu, phân tích, xác định thành phần các chất có lợi cho sức khỏe, làm rõ những công dụng của cây chè, sản phẩm trà Thái Nguyên, kết hợp với nghiên cứu, đánh giá điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu..., các yếu tố làm nên nét đặc biệt của cây chè, các sản phẩm trà Thái Nguyên; thực hiện công bố, làm cơ sở, tài liệu để truyền thông, ghi trên bao bì sản phẩm... nhằm quảng bá công dụng, tác dụng tích cực của sản phẩm trà Thái Nguyên.

Tập trung triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đầu tư vào chế biến sâu, đặc biệt là các sản phẩm sau chế biến từ chè có chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế lớn để hình thành ngành công nghiệp chế biến chè tiên tiến tại tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng chè dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

4. Tăng cường củng cố, xây dựng và nâng cao thương hiệu gắn với quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm trà

Tăng cường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước. Khuyến khích xây dựng, công nhận thương hiệu sản phẩm quốc gia. Quản lý, duy trì nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên” đã được bảo hộ tại 6 quốc gia và vùng lãnh thổ (Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan), chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” được công nhận bảo hộ tại Liên minh châu Âu (EU) thông qua hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Đồng thời tiếp tục mở rộng bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên” sang các nước khác để tăng cơ hội xuất khẩu sản phẩm trà của tỉnh.

Ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong kinh doanh; xây dựng và triển khai hiệu quả các website thương mại điện tử để thúc đẩy quảng bá, mở rộng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trà và các sản phẩm từ chè Thái Nguyên. Tập trung nâng cao chất lượng, nâng hạng sản phẩm trà đạt tiêu chuẩn OCOP của các địa phương gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Thành lập mới các hợp tác xã, liên hiệp các hợp tác xã; củng cố, nâng cao hiệu quả, quy mô sản xuất của các hợp tác xã, liên hiệp các hợp tác xã; thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ trồng chè nhằm khai thác tiềm năng đất đai, lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất, trình độ quản lý..., tạo ra sản phẩm chất lượng với sản lượng lớn, góp phần tạo đà cho xuất khẩu trà, nâng cao giá trị sản phẩm và bảo đảm phát triển bền vững.

Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ, định kỳ tổ chức Festival Trà Thái Nguyên, các lễ hội trà tại các địa phương nhằm góp phần nâng tầm phát huy giá trị thương hiệu và văn hóa trà Thái Nguyên; tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm trà và văn hóa trà Thái Nguyên tại các địa phương trong nước và nước ngoài. Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất chè với hệ thống phân phối, tiêu thụ; kết nối giữa người sản xuất, kinh doanh trà trong tỉnh với các đối tác, khách hàng quốc tế; nâng cao năng lực hệ thống thông tin sản xuất, dự báo thị trường, cung cấp kịp thời cho doanh nghiệp và người làm chè trong tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức về trà, phát triển văn hoá trà và nghệ thuật thưởng trà Thái Nguyên.

Khai thác đa giá trị giữa phát triển ngành chè gắn với văn hóa, lịch sử, du lịch, dịch vụ và môi trường. Rà soát những vùng chè trong tỉnh có điều kiện sản xuất gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, phát triển du lịch và dịch vụ; tiếp tục phát triển các mô hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với vùng chè góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu trà Thái Nguyên, nâng tầm giá trị của tài nguyên du lịch vùng chè Thái Nguyên.

Tập trung đầu tư phát triển du lịch một số vùng chè trọng điểm tại các địa phương; xây dựng và khuyến khích phát triển các mô hình làng du lịch gắn với các dịch vụ homestay, farmstay, du lịch trải nghiệm ẩm thực, đặc sản của tỉnh; triển khai ứng dụng các nền tảng số để quảng bá, xúc tiến du lịch, dịch vụ vùng chè Thái Nguyên.

5. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành chè

Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đã ban hành, huy động nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác, đồng thời tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển ngành chè theo hướng hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về đất đai trong sản xuất; tập trung nguồn lực đầu tư theo chiều sâu để hình thành chuỗi ngành hàng chè có giá trị gia tăng cao, đáp ứng năng lực cạnh tranh quốc tế; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ sản xuất sản phẩm hàng hóa bảo đảm an toàn, chất lượng, GAP, hữu cơ, cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, chế biến, bảo quản; hỗ trợ phát triển chế biến sâu, tích hợp đa giá trị sản phẩm; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác, quảng bá, xây dựng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất tập trung (*hạ tầng giao thông, thủy lợi, giống cây trồng...*).

Thực hiện các giải pháp nhằm thu hút đội ngũ chuyên gia tư vấn và nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển cây chè và sản phẩm trà Thái Nguyên trong thời gian tới. Quan tâm chú trọng đào tạo kỹ năng trồng, chăm sóc, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trà cho người đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, đảm bảo đủ khả năng tham gia liên kết chuỗi giá trị phát triển cây chè và sản phẩm trà của tỉnh. Từng bước nâng cao sản lượng, chất lượng và giá trị của trà Thái Nguyên đồng đều ở các địa phương trồng chè.

6. Bảo tồn và nâng cao các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của trà Thái Nguyên

Tập trung nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của các vùng chè trên địa bàn tỉnh nói chung, vùng chè Tân Cương nói riêng gắn với nâng cao giá trị cây chè và sản phẩm trà Thái Nguyên. Xây dựng hệ tri thức về văn minh trà và văn hóa trà Thái Nguyên trên cơ sở phát triển “Tri thức trồng và chế biến chè Tân Cương” đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Quy hoạch, xây dựng Bảo tàng trà, các không gian lễ hội, không gian thưởng trà, không gian thờ tự, tưởng nhớ, tri ân công lao của các vị Tổ nghề chè, quần thể chè cổ thụ... góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa trà Thái Nguyên gắn với phát triển du lịch và lễ hội văn hóa đặc trưng của các địa phương.

Lập hồ sơ trình công nhận cây chè cổ tỉnh Thái Nguyên là “Cây di sản Việt Nam”; đồng thời xây dựng phương án bảo vệ, quản lý, giữ gìn, kéo dài tuổi thọ của các cây chè cổ.

Tăng cường công tác giáo dục truyền thống, văn hóa, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với việc bảo tồn các giá trị sản phẩm trà; hình thành ý thức trân quý và trách nhiệm bảo tồn cây chè và sản phẩm trà trong các tầng lớp nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết. Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành ủy, huyện ủy xây dựng nghị quyết của Đảng bộ mình và chỉ đạo các đảng bộ xã, phường, thị trấn, tổ chức đảng tại các doanh nghiệp, hợp tác xã có hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh chè xây dựng nghị quyết chuyên đề để triển khai thực hiện. Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, các ban xây dựng đảng, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy khác, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị.

2. Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo xây dựng các cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi để phát triển ngành chè trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030.

3. Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định lộ trình, dự án, đề án, bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, phối hợp các cơ quan thông tin, báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết

đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh chè, nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm trà Thái Nguyên; kịp thời phản ánh những địa phương, đơn vị, tập thể, cá nhân làm tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ hằng năm đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Bộ Nông nghiệp và PTNT,
- Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí cán bộ các ban xây dựng Đảng Trung ương theo dõi địa bàn tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NNMinh/PTH/100

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Trịnh Việt Hùng